

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 08/CÔNG TY LIÊN DOANH PHẠM – ASSET/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân : Công Ty Liên Doanh Phạm – Asset

Địa chỉ : Lô D4/1, Đường 1B, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân,
TP. Hồ Chí Minh, Việt nam.

Điện thoại : (84-028) 3 7653284 – 3 7653285 – 37653286 Fax: (84-028) 37 653258 -54283458

Email : jojo@pham-asset.com

Mã số doanh nghiệp : 0302771009

Số Giấy chứng nhận Cơ Sở Đủ Điều Kiện An Toàn Vệ Sinh Thực Phẩm : 1376/2024/ SATTP-HCM, có hiệu lực đến ngày 12/04/2027.

Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm : **ĐẬU HÀ LAN VỊ WASABI**

2. Thành phần: Đậu hà lan (65%), chất ổn định (1451), bột mì, đường, dầu cọ, gia vị wasabi 4% (đường, maltodextrin, bột nước tương, muối, tinh bột sắn, chất điều vị (621, 635), hương liệu giống tự nhiên (wasabi), chiết xuất nghệ, chất tạo màu tổng hợp (133)), muối i-ốt, chất tạo xốp (500 (ii)).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- 09 tháng kể từ ngày sản xuất đối với sản phẩm dạng gói.
- 12 tháng kể từ ngày sản xuất đối với sản phẩm dạng lon

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì :

- Sản phẩm được đóng gói trong màng PET/MPET/PE/LLD, OPP/PE, OPP/PP hoặc lon giấy tráng kim loại. Các gói đậu được đóng gói trong túi PE, PP, hộp giấy hoặc thùng giấy.
- Khối lượng tịnh mỗi gói/hộp/lon: 8g, 10g, 11g, 12g, 13g, 14g, 15g, 16g, 17g, 18g, 20g, 22g, 23g, 24g, 25g, 26g, 27g, 28g, 29g, 30g, 31g, 32g, 33g, 34g, 35g, 36g, 37g, 38g, 40g, 42g, 44g, 45g, 47g, 48g, 50g, 52g, 55g, 58g, 60g, 62g, 65g, 68g, 70g, 72g, 75g, 77g, 80g, 83g, 85g, 90g, 95g, 100g, 105g, 110g, 115g, 120g, 125g, 130g, 135g, 140g, 145g, 150g, 160g, 200g, 250g, 400g, 500g, 700g, 1kg và theo yêu cầu của khách hàng.



- Các túi đậu được đóng vào thùng carton 3, 5 lớp hoặc đóng trong túi PE, PP.
- Nắp thùng và đáy thùng hoặc túi PE, PP có dán băng keo kín, đảm bảo trong quá trình vận chuyển, bảo quản không bong rách.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Tên tổ chức: Công Ty TNHH Phạm – Asset MeKong

Địa chỉ: Lô F-2-1, Góc vuông Đường N4 và Đường D6, KCN Hữu Thạnh, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-027) 622 000 17

II. Mẫu nhãn sản phẩm :

Đính kèm (Theo 43/2017/NĐ-CP Nghị định về Nhãn hàng hóa và 111/2021/NĐ-CP Nghị định về Sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP nhãn hàng hóa).

III. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo :

- Quy Định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm theo tiêu chuẩn cơ sở của sản phẩm.
- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, áp dụng cho ngũ cốc, lúa mì và gia vị.
- Thông tư 24/2019/TT-BYT Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

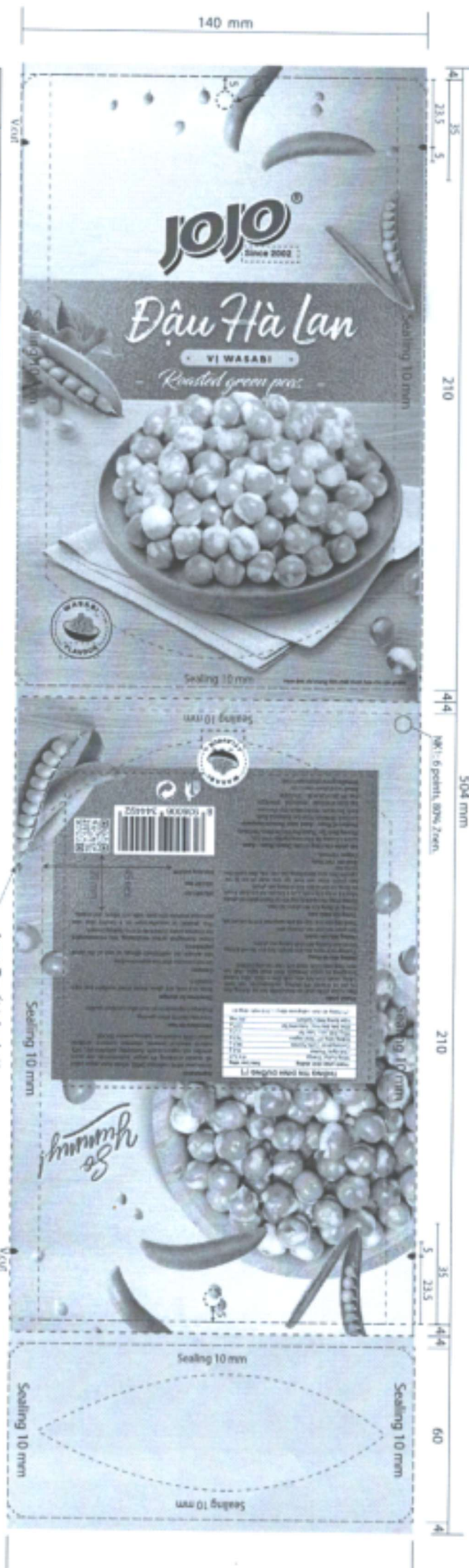
Tp, Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 11 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu).



Giám Đốc
Phạm Xuân Dũng



Xin Yuan	TAM	K	Zd	C	M	Y	Zv	Zw	W	Date	15/07/2025	Số 4 chỗ khoanh
Thành lập: 14/08/2022 - XÂY DỰNG: 17/03/2023 - SỬ DỤNG: 04/04/2023 - 100% LỢI Tên sản phẩm: Đậu Hà Lan - WASABI - SỮA TRỨNG												

Sửa 3 trực: ☐ K ☐ Zd ☐ C ☐ M ☐ Y ☐ Zv ☐ Zw ☐ W

Sửa 4 chỗ khoanh: ☐



50mm

JOJO[®]
Since 2002

ĐẬU HÀ LAN

VỊ WASABI



*Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa cho sản phẩm.

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (*)

Thành phần dinh dưỡng	Trên/100g
Năng lượng/ Energy	414 kcal
Chất đạm/ Protein	16,4 g
Carbohydrat/ Carbohydrate	59,5 g
Đường tổng số/ Total sugars	16,5 g
Tổng chất béo/ Total Fat	12,3 g
Chất béo bão hòa/ Saturated fat	4,67 g
Hàm lượng Natri/Sodium	572 mg

(*) Thông tin dinh dưỡng dao động ± 20% mức công bố

Thành phần: Đậu hà lan (65%), chất ổn định (1451), bột mì, đường, dầu cọ, gia vị wasabi 4% (đường, maltodextrin, bột nước tương, muối, tinh bột sắn, chất điều vị (621, 635), hương liệu giống tự nhiên (wasabi), chiết xuất nghệ, chất tạo màu tổng hợp (133)), muối i-ốt, chất tạo xốp (500(ii)).

Hướng dẫn sử dụng:

Thường thức ngay sau khi mở gói, tiếp xúc lâu với không khí sẽ ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

Hướng dẫn bảo quản:

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát. Tránh tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời và nơi ẩm ướt.

Thông tin cảnh báo:

Không sử dụng khi sản phẩm hết hạn.

Không dùng cho người dị ứng với các thành phần sản phẩm.

Nhai kỹ trước khi nuốt. Lưu ý khi cho trẻ em dưới 3 tuổi sử dụng, có thể bị hóc khi sử dụng sản phẩm.

Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy có xử lý các nguyên liệu như đậu phộng, hạt cây, sữa, đậu nành, lúa mì và mè.

Xuất xứ: Việt Nam.

Origin: Vietnam.

Sản phẩm của Công ty Liên Doanh Phạm - Asset.

Lô D4/1, Đường 18, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Product of Pham - Asset Joint Venture Company.

Lot D4/1, 18 Street, Vinh Loc Industrial Park, Binh Tan Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ngày sản xuất, hạn sử dụng và khối lượng tịnh: Xem trên bao bì

Ingredients: Green peas (65%), stabilizer (1451), wheat flour, sugar, palm oil, wasabi seasoning 4% (sugar, maltodextrin, soy sauce powder, salt, tapioca starch, flavouring additives (621, 635), natural identical (wasabi), oleoresin turmeric, artificial colour (133)), iodized salt, baking powder (500(ii)).

Directions for use:

Consume shortly after opening. Prolonged exposure to air may affect product quality.

Directions for storage:

Store in a cool, dry place. Avoid direct sunlight and high humidity.

Caution:

Do not consume after the expiration date. Not suitable for individuals allergic to any of the listed ingredients.

Chew thoroughly before swallowing. Not recommended for children under 3 years old due to choking hazard.

This product is manufactured in a facility that also processes peanuts, tree nuts, milk, soy, wheat, and sesame.

Tel: (028) 37653286 - 37653285

- 37653284

Fax: (84 28) 54283458

37653258

Email: jojo@pham-asset.com

Website: www.pham-asset.com

Manufacturing date, expiry date and net weight: See on the package.





Trang/ Page No: 1/3

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: NDB7241200209-4

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY LIÊN DOANH PHẠM-ASSET
Địa chỉ/ Client's Address : Lô D4/1, Đường 1B, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 05/12/2024
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 05/12/2024 - 10/12/2024
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/12/2024
Thông tin mẫu/ Name of Sample : ĐẬU HÀ LAN VỊ WASABI
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong túi nhựa kín
Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Đạm (*) / Protein (*)	16.4	g/100g	AVA-KN-PP.HL/01
2	Carbohydrat (Không bao gồm xơ) (*) / Carbohydrate (Not included fiber) (*)	59.5	g/100g	Calculated from carbohydrate and total dietary fiber
3	Béo tổng (*) / Total fat (*)	12.3	g/100g	AVA-KN-PP.HL/02
4	Natri (Na) (*) / Sodium (Na) (*)	572	mg/100g	AVA-KN-PP.QP/014 (Ref. AOAC 985.35)
5	Độ ẩm (*) / Moisture (*)	1.13	%	AVA-KN-PP.HL/05
6	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	<10	CFU/g	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
7	Coliforms (*) / Coliforms (*)	<10	CFU/g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
8	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0)	MPN/g	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)
9	Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)	<10	CFU/g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
10	Bacillus cereus (*) / Bacillus cereus (*)	<10	CFU/g	AOAC 980.31



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: NDB7241200209-4

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
11	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	<10	CFU/g	AOAC 975.55
12	Tổng số nấm men nấm mốc (*) / Yeasts and Molds (*)	<10	CFU/g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)
13	Salmonella spp. (*) / Salmonella spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)
14	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	<0.01	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
15	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.003)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
16	Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2) (*) / Sum of Aflatoxin (B1, B2, G1, G2) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/091 (Ref. TCVN 6953:2001, TCVN 7596:2007 (ISO 16050:2003))
17	Aflatoxin B1 (*) / Aflatoxin B1 (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/091 (Ref. TCVN 6953:2001, TCVN 7596:2007 (ISO 16050:2003))
18	Deoxynivalenol (Vomitoxin) (*) / Deoxynivalenol (Vomitoxin) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 7)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/093 (Ref. EN 17194:2019)
19	Ochratoxin A (*) / Ochratoxin A (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.3)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/092 (Ref. EN 17194:2019)
20	Zearalenone (*) / Zearalenone (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 7)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/094 (Ref. TCVN 10640: 2014, EN 15850:2010)
21	Fumonisin tổng số (FB1, FB2) (*) / Sum of Fumonisin (FB1, FB2) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 1.5)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/095 (Ref. TCVN 8162:2009, EN 1385:2001)

7692663
CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ
AVATEK
3 HỒ CHÍ MINH






KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
22	Năng lượng (Tính từ protein, béo, carbohydrate không bao gồm xơ) (*) / Calories (Calculated from protein, fat and carbohydrate not included fiber) (*)	414	kcal/100g	AVA-KN-PP.HL/10
23	Xơ tổng số (*) / Total dietary fiber (*)	8.03	%	TCVN 9050:2012

Chú thích/ Remarks:

- (*) Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (**): Items are tested by subcontractor.
- (**)(*) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (**)(*) Items are tested by subcontractor, currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi/ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS): Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục Thủy sản/ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limited of detection.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
 - Theo phương pháp đếm đĩa: Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện/ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp lọc: Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện/ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
 - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN): Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (không phát hiện)/ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
- Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
 - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"/ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

BÙI TÂN BÌNH

PHÓ GIÁM ĐỐC
DEPUTY DIRECTOR



TRẦN HOÀNG VINH

